

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS - PT
Ngày 21- 8- 2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền.

Ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; Xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D. Địa chỉ: Bản TL, xã C K, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị M. Địa chỉ: Bản KT, xã C K, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:*

Nguyên đơn: Ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D trình bày:

Ngày 19/5/1995, gia đình ông bà được Hợp tác xã (HTX) bản Chiềng Kg, xã CK, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Giao một thửa đất tại bản CK, xã Chiềng K, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Với diện tích 1.700m² có các tứ cạnh: Chiều rộng thửa đất giáp đường Quốc lộ 105 (nay là Quốc lộ 4G) dài 47,5m, chiều rộng giáp đất ông Lường Văn Hoa (cuối đất) là 38m, chiều dài giáp đất ông H (nay là đất bà M) là 47m, chiều dài giáp đất ông Đ T là 39,3m. Năm 1996, gia đình ông bà chuyển nhượng một phần đất cho ông Nguyễn Văn S có tứ cạnh: Chiều rộng giáp đường Quốc lộ 4G là 20m, chiều dài giáp đất ông Lường Văn H 18m, chiều giáp đất ông Đ T là 39,3m, chiều dài giáp đất của gia đình ông bà là 43,8m.

Ngày 05/4/2000, gia đình ông bà được UBND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số Q309347 có diện tích chưa đúng so với diện tích đất ông bà được HTX bản Chiềng Khương giao nhưng ông bà vẫn sử dụng diện tích đất đúng như diện tích đã được HTX bản Chiềng Khương đã giao.

Ngày 26/11/2010, gia đình ông bà được UBND huyện Sông Mã cấp đổi GCNQSDĐ số BC 911611 thì ông bà phát hiện đất của ông bà cấp thiếu so với diện tích đất được HTX bản Chiềng Khương và GCNQSDĐ số Q309347 ngày 05/4/2000. Cụ thể chiều rộng giáp đường Quốc lộ 4G chỉ còn 25,3m, thiếu 2,2m. Chiều rộng cuối đất giáp đất ông Hoa chỉ có 6,6m, thiếu 13,4m.

Diện tích đất của ông bà và diện tích đất của bà Đào Thị M giáp rãnh thoát nước (hiện là công thoát nước đường giao thông) nhưng bà M đã đổ đất lấp rãnh thoát nước và lấn chiếm một phần đất của gia đình ông bà.

Nay ông bà yêu cầu bà Đào Thị M trả lại cho gia đình ông bà diện tích đất là 173,25m² có các tứ cạnh chiều rộng giáp đường Quốc lộ 4G là 3m, chiều dài giáp đất bà M là 33m, chiều dài giáp công là 33m và khai thông công thoát nước có chiều rộng là 1m và chiều dài 33m.

Bị đơn bà Đào Thị M trình bày:

Năm 2001, bà nhận chuyển nhượng của gia đình bà Phạm Thị Lan A 01 thửa đất tại bản Chiềng K, xã CK, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có diện tích đất là 303,8m² có các tứ cạnh phía đông giáp rãnh thoát nước dài 48,1m, phía tây giáp đất ông Lường Văn H là 6,1m, phía bắc giáp đường Quốc lộ 4G là 6,25m, phần diện tích đất bà nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị Lan A không liền thổ với đất của ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D, và được ngăn cách bởi công rãnh thoát nước, bà được phép sử dụng đến mép rãnh thoát nước về phần đất của bà, còn việc gia đình ông H bà D khởi kiện yêu cầu bà trả lại diện tích đất 173,25m² (theo biên bản thẩm định của Tòa án), bà không đồng ý. Việc đất gia đình bà thừa là do bà đổ đất kè từ mép suối lên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức H và bà Lương Thị D về việc buộc bà Đào Thị M trả lại diện tích đất 173,25m² có các tứ cạnh: Phía bắc giáp đường Quốc lộ 4G rộng 3m, phía đông giáp cống thoát nước dài 33m, phía Tây giáp đất bà Minh dài 33m, phía Nam giáp đất ông Lương Văn H rộng 7,5m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2019, nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án của cấp sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn ông Bùi Đức H bà Lương Thị D, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Ý kiến tranh luận của bị đơn bà Đào Thị M: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên như sau.

Căn cứ khoản 1 Điều 308, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS - ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn ông Bùi Đức H bà Lương Thị D phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị M trả lại diện tích đất đã lấn chiếm thuộc sở hữu hợp pháp của nguyên đơn đồng thời yêu cầu bị đơn phải khơi thông cống rãnh thoát nước. Bị đơn bà Đào

Thị M không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nguồn gốc, ranh giới đất của các bên đương sự:

Diện tích đất do nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D đang sử dụng có nguồn gốc được Hợp tác xã bản Chiềng Khương, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã. Giao quản lý, sử dụng từ năm 1995, sau đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000 và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010.

Diện tích đất do bị đơn bà Đào Thị M đang quản lý sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị Lan A vào năm 2001 (đất của bà Phạm Thị Lan A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ và có 1 phần theo bị đơn khai nhận là sử dụng phần đất rãnh thoát nước (gọi là đất cống).

Ranh giới đất giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định bị ngăn cách bởi một rãnh suối thoát nước đất thủy lợi, đầu rãnh suối thoát nước có cống thoát nước giao thông.

[2.2] Về hiện trạng sử dụng đất:

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với phần diện tích đất tranh chấp. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ (do việc đo đạc tại cấp sơ thẩm bằng phương pháp thủ công, chưa thể hiện hết các tài sản có trên đất tranh chấp). Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lại và định giá tài sản đối với phần diện tích đất tranh chấp. Kết quả xác định, hiện trạng sử dụng đất có sự thay đổi, ranh giới (rãnh suối đất thủy lợi) giữa hai bên đã bị san lấp không còn, đầu cống thoát nước nằm hoàn toàn về phía đất do nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D đang quản lý, sử dụng.

Diện tích đất tranh chấp được nguyên đơn xác định lại, tuy nhiên diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn xác định lại đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu cũng như phạm vi giải quyết tại cấp sơ thẩm, do đó tại cấp phúc thẩm chỉ xem xét trên phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

[2.3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Năm 1995, nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D được Hợp tác xã nông nghiệp bản Chiềng Khương, UBND xã Chiềng Khương giao diện tích đất là 1.700m². Quá trình sử dụng ông bà đã chuyển nhượng lại quyền sử dụng một phần diện tích đất trên cho ông Nguyễn Văn S. Năm 2000, ông H, bà D được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất còn lại. Tuy nhiên đối chiếu giữa hình thể, tứ cận, kích thước thửa đất được giao (sau khi đối trừ đi phần đã chuyển nhượng) và diện tích được cấp trong GCNQSDĐ năm 2000 thấy có sự không phù hợp về hình thể, tứ cận, kích thước thửa đất. Cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy ý kiến của UBND huyện Sông Mã và những người liên quan đến việc giao đất xác định quá trình giao đất có thực hiện đo đạc nhưng việc đo đạc tiến hành thủ công nên độ chính xác không cao, một mặt dựa vào kê khai của hộ gia đình để tiến hành cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình. Quá trình sử dụng không phát sinh tranh chấp với các hộ liền kề. Năm 2006, thực hiện chủ trương của Nhà nước liên quan đến việc đo đạc, cấp đổi GCNQSDĐ và dự án nâng cấp đường 105 thành Quốc lộ 4G, hộ gia đình ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D cũng được tiến hành đo đạc lại diện tích đất hiện đang sử dụng. Quá trình đo đạc, cho đến khi cấp GCNQSDĐ năm 2010, ông H, bà D không có ý kiến thắc mắc hay tranh chấp gì liên quan đến việc đo đạc của cơ quan chức năng. Ông H, bà D cho rằng vào năm 2012, khi nhận được GCNQSDĐ được cấp đổi, phát hiện kích thước thửa đất bị sai sót nên ông bà đã có ý kiến, làm đơn ra bản ra xã. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho sự việc trên.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận đất thuộc quyền sử dụng của hai bên không giáp nhau mà giáp rãnh suối thoát nước (đất thủy lợi); bị đơn còn thừa nhận sử dụng cả phần đất rãnh suối thoát nước đất thủy lợi. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ kích thước phần đất rãnh thoát nước là bao nhiêu, do ai quản lý. Tại cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định lại diện tích đất của 02 bên đương sự cũng như xác định diện tích tranh chấp. Kết quả hiện trạng sử dụng đất có sự thay đổi, ranh giới (rãnh suối thoát nước đất thủy lợi) giữa hai bên đã bị san lấp không còn, đầu cống thoát nước nằm hoàn toàn về phía đất do nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D đang quản lý, sử dụng. Bị đơn bà Đào Thị M sử dụng diện tích đất có kích thước vượt quá so với giấy chuyển nhượng đã ký kết giữa bà Phạm Thị Lan A và bà Đào Thị M. Đồng thời tiến hành xác minh các đơn vị liên quan, xác định một phần diện tích đất rãnh thoát nước đất thủy lợi thuộc quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La, một phần thuộc địa bàn do UBND xã Chiềng Khương quản lý. Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành lấy ý kiến, xác minh nội dung liên quan đến đất trên, đối chiếu với sơ đồ địa chính do UBND xã Chiềng Khương, UBND huyện

Sông Mã cung cấp xác định phần rãnh suối thoát nước đất thủy lợi (hay còn gọi là đất cống) có kích thước phía giáp đất hành lang giao thông là 6,0m (bao gồm 0,2m phần đất vượt quá so với giấy chuyển nhượng giữa bà Lan A và bà M); kích thước phía sau về phía đất nhà ông H là 6,34m (bao gồm 0,14m phần đất vượt quá so với giấy chuyển nhượng giữa bà Lan A và bà M). Trên cơ sở đối chiếu giữa sơ đồ hiện trạng theo Biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và sơ đồ, kích thước rãnh suối thoát nước thủy lợi, thấy rằng phần diện tích đất mà bị đơn Đào Thị M sử dụng vượt quá giấy mua bán cũng như phần diện tích đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có kích thước hoàn toàn nằm trong phần diện tích đất rãnh thoát nước do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La cũng như UBND xã Chiềng Khương quản lý. Đồng thời, trên phần diện tích đất đó, năm 2008, bị đơn tiến hành dựng nhà khung sắt năm 2014, tiến hành xây kè; nguyên đơn cho rằng vào các thời điểm đó có sự tranh chấp nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Quá trình từ khi bị đơn bà M chuyển nhượng, sử dụng đất năm 2001 đến năm 2014 là 13 năm giữa hai bên đều sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

Mặt khác, ranh giới đất sử dụng của ông H, bà D còn được xác định thông qua vị trí cống giao thông thoát nước (cụ thể theo giấy giao đất năm 1995). Quá trình thẩm định tại chỗ xác định, cống thoát nước nằm hoàn toàn trên phần đất do ông H, bà D đang sử dụng. Ông H, bà D xác định cống thoát nước hiện tại không phải là cống cũ theo biên bản giao đất năm 1995, đã có sự dịch chuyển vào đất của ông bà. Căn cứ tài liệu, thông tin do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La - đơn vị quản lý giao thông đường bộ xác định. Năm 2006 nhà nước tiến hành nâng cấp đường 105 thành Quốc lộ 4G, đã thực hiện việc phá bỏ cống cũ và thay thế bằng cống mới vào vị trí cống cũ. Ông H bà D cho rằng tại thời điểm xây cống mới, ông bà đều không có nhà nên đơn vị xây dựng đã xây cống sang phần đất của ông bà. Tuy nhiên thực tế từ khi xây cống cho đến khi phát sinh tranh chấp, ông bà đều không có ý kiến gì thắc mắc liên quan đến sự việc này. Quá trình thẩm định tại chỗ, ông bà cho rằng cống cũ nằm trên vị trí đất do bà M lấn chiếm. Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành cho đào, xúc đất nền để tìm dấu vết của cống cũ theo yêu cầu cũng như vị trí do ông H, bà D xác định, kết quả không phát hiện được dấu vết gì.

Do đó việc cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với những thiếu sót của cấp sơ thẩm trong việc xem xét thẩm định tại chỗ và thu thập tài liệu chứng cứ, cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 8.067.000đ (tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), ông H, bà D đã nộp đủ (đã thu và đã chi).

Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức H và bà Lương Thị D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức H và bà Lương Thị D về việc buộc bà Đào Thị M trả lại diện tích đất 173,25m² có các tứ cạnh: Phía bắc giáp đường Quốc lộ 4G rộng 3m, phía đông giáp cống thoát nước dài 33m, phía tây giáp đất bà Đào Thị M dài 33m, phía Nam giáp đất ông Lương Văn H rộng 7,5m.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.067.000đ (tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) ông H bà D đã nộp đủ.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, tổng là 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 2.600.000đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002319 ngày 02/5/2019 và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004528 ngày 17/12/2019

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Nguyên đơn ông Bùi Đức H, bà Lương Thị D được hoàn lại số tiền là 2.300.000đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (21/8/2020).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Tòa án nhân dân huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Tòa án nhân dân huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Tòa án nhân dân huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

